

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-12 - 2021

“Về việc tranh chấp ly hôn
và quyền nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Thị Sô Tha.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Nguyễn Thị Anh Đào

2. Ông Kim Diễn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Chế Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:***
Không có.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 304/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Thạch D, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Sơn Thị Sa R, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Thạch D trình bày: Vào năm 2008 do quen biết trước và qua thời gian tìm hiểu nên anh D và chị R có tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, trước sự cho phép tổ chức lễ cưới của hai bên gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh ngày 30/7/2008, đúng theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới vợ chồng về sống tại nhà cha mẹ ruột anh D ở ấp T, xã H, vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc, luôn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến năm 2019 do cuộc sống nên vợ chồng lên Bình Dương tìm việc làm, cũng từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thường cự cãi nhau do bất hòa trong cuộc sống. Từ đó, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ năm

2019 đến nay, hai bên không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Nay nhận thấy giữa vợ chồng ly thân đã lâu, không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm chăm sóc cho nhau, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh D yêu cầu được ly hôn với chị R.

Trong quá trình chung sống có 01 người con chung tên Thạch N, sinh ngày 28/7/2008 (hiện do chị R đang trực tiếp nuôi), tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với ai thì người đó nuôi và không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 08/11/2021 bị đơn chị Sơn Thị Sa R trình bày: Chị R thống nhất ly hôn với anh Thạch D.

Về con chung: Chị R xác định có 01 người con chung tên Thạch D, sinh ngày 28/7/2008, hiện nay chị R trực tiếp nuôi, chị R yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do nguyên đơn anh Thạch D và bị đơn chị Sơn Thị Sa R có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Thạch D và chị Sơn Thị Sa R.

[2] Về quan hệ hôn nhân anh Thạch D và chị Sơn Thị Sa R xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện và sau đó có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa anh D và chị R thường phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, anh D và chị R thường xuyên cự cãi nên cả hai anh, chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Thời gian ly thân cả hai anh chị không có giải pháp khắc phục hàn gắn tình cảm vợ chồng, quá trình giải quyết vụ án anh D cho rằng không còn tình cảm với chị R, vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên anh D xin được ly hôn với chị R. Nay xét thấy, mâu thuẫn giữa anh D và chị R đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 người con chung tên Thạch N, sinh ngày 28/7/2008, anh D thống nhất giao cho chị R trực tiếp nuôi dưỡng (Đây cũng là nguyện vọng của cháu D muốn sống cùng với mẹ), và chị R không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh D và chị R xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Thạch D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 227; 228; 238 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57 và 58 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Thạch D, cho anh Thạch D được ly hôn với chị Sơn Thị Sa R.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch N, sinh ngày 28/7/2008 cho chị R nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi (Đây cũng là nguyện vọng của cháu D muốn sống cùng với mẹ), anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh D và chị R xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Thạch D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng được miễn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp theo biên lai thu số 0006091, ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Tân Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Sô Tha

